

**„KI M TOÁN NHÀ N C C NG HOÀ XÃ H ICH NGH A VI T NAM**  
**cl p - T do - H nh phúc**

S :03/2011/Q -KTNN

Hà N i, ngày 09 tháng 12 n m 2011

**QUY T NH**  
**Ban hành Quy ch thuê ho c u thác**  
**doanh nghi p ki m toán th c hi n ki m toán**

**T NG KI M TOÁN NHÀ N C**

C n c Lu t Ki m toán nhà n c;  
C n c Lu t Ban hành v n b n quy ph m pháp lu t n m 2008;  
Theo ngh c a V tr ng V Ch và Ki m soát ch t l ng ki m toán,  
V tr ng V Pháp ch ,

**QUY T NH:**

**i u 1.** Ban hành kèm theo Quy t nh này Quy ch thuê ho c u thác doanh nghi p ki m toán th c hi n ki m toán.

**i u 2.** Quy t nh này có hi u l c thi hành sau 45 ngày, k t ngày ký.

**i u 3.** Th tr ng các n v tr c thu c Ki m toán Nhà n c, các t ch c và cá nhân có liên quan ch u trách nhi m thi hành Quy t nh này./.

**N i nh n:**

- Ban Bí th Trung ng ng;
- U ban Th ng v Qu c h i;
- Th t ng Chính ph ;
- V n phòng Trung ng ng; V n phòng Ch t ch n c; VP Qu c h i; VP Chính ph ; H i ng dân t c, các U ban c a Qu c h i;
- Các b , c quan ngang b , c quan thu c Chính ph ;
- H ND, UBND các t nh, thành ph tr c TW;
- VKSND t i cao, TAND t i cao;
- V n phòng Ban ch o TW v phòng, ch ng tham nh ng; U ban giám sát tài chính qu c gia;
- Các c quan TW c a các oàn th ;
- Các T p oàn kinh t , T ng công ty 91;
- C c Ki m tra VBQPPL- B T pháp;
- Công báo;
- Lãnh o KTNN; các n v tr c thu c KTNN;
- L u: VT, V C &KSCLKT.

**T NG KI M TOÁN NHÀ N C**

( ã ký)

**inh Ti n D ng**

**QUY CH  
THUÊ HO C U THÁC DOANH NGHI P KI M TOÁN  
TH C HI N KI M TOÁN**

*(Ban hành kèm theo Quy t nh s 03/2011/Q -KTNN  
ngày 05/12/2011 c a T ng Ki m toán Nhà n c)*

**Ch ng I**

**NH NG QUY NH CHUNG**

**Đ i u 1. Ph m vi Đ i u ch nh**

Quy ch này quy nh v vi c Ki m toán Nhà n c th c hi n vi c thuê ho c y thác doanh nghi p ki m toán th c hi n vi c ki m toán ngân sách, tài n và tài s n nhà n c theo quy nh c a Lu t Ki m toán nhà n c; quy nh v quy n h n, trách nhi m c a các bên liên quan n thuê ho c y thác ki m toán; quy nh ph m vi thuê ho c u thác ki m toán; Đ i u ki n các doanh nghi p ki m toán c thuê ho c u thác ki m toán; quy nh v H i ng th m nh doanh nghi p ki m toán và th t c, trình t l a ch n doanh nghi p th c hi n ki m toán.

**Đ i u 2. Đ i t ng áp d ng**

Quy nh này áp d ng Đ i v i Ki m toán Nhà n c; các doanh nghi p ki m toán c thuê ho c y thác th c hi n ki m toán và các bên có liên quan n ho t ng thuê ho c u thác th c hi n ki m toán c a Ki m toán Nhà n c.

**Đ i u 3. Gi i thích t ng**

Trong Quy ch này, các t ng đ i ây c hi u nh sau:

1. *Thuê doanh nghi p ki m toán* là vi c Ki m toán Nhà n c giao cho doanh nghi p ki m toán th c hi n toàn b cu c ki m toán ho c m t s n i dung, m t s n v c ki m toán trong K ho ch ki m toán theo các chu n m c, quy trình ki m toán và quy nh qu n lý, chuyên môn c a Ki m toán Nhà n c. Ki m toán Nhà n c tr phí thuê ki m toán.

2. *Y thác ki m toán* là vi c Ki m toán Nhà n c giao cho doanh nghi p ki m toán th c hi n toàn b cu c ki m toán theo các chu n m c, quy trình ki m toán c a Ki m toán Nhà n c ho c các chu n m c, quy trình ki m toán c a Ki m toán Nhà n c ch p nh n. Ki m toán Nhà n c tr phí y thác ki m toán.

#### **Điểm 4. Nguyên tắc thi công**

1. Chi phí thuê hoặc khấu hao tài sản cố định tính toán theo quy định tại Quy định này.

2. Chi phí thuê hoặc khấu hao tài sản cố định kinh doanh nghiệp kế toán áp dụng nguyên tắc, tiêu chuẩn theo quy định tại Quy định này.

3. Việc thuê hoặc khấu hao kinh doanh nghiệp kế toán chi phí thông qua hợp đồng.

4. Doanh nghiệp kế toán chi phí thuê hoặc khấu hao tài sản cố định chịu trách nhiệm trước Kế toán Nhà nước và pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của sổ sách, tài liệu và kết luận kế toán của mình. Kế toán Nhà nước quy định về sổ sách và chịu trách nhiệm về tính chính xác của sổ sách, tài liệu và kết luận kế toán do doanh nghiệp kế toán chi phí.

5. Doanh nghiệp kế toán chi phí thuê hoặc khấu hao tài sản cố định chịu trách nhiệm báo cáo tài liệu, sổ sách, tài liệu kế toán và các thông tin về hoạt động của doanh nghiệp kế toán theo quy định của Kế toán Nhà nước và quy định của pháp luật.

#### **Điểm 5. Kiểm tra, giám sát việc thi công hợp đồng thuê, khấu hao**

1. Kế toán Nhà nước có quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thi công hợp đồng thuê, khấu hao tài sản cố định theo quy định tại Quy định này và theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp kế toán chi phí thuê hoặc khấu hao tài sản cố định có nghĩa vụ và trách nhiệm thu nộp tiền thuế trước thuế cho Kế toán Nhà nước kiểm tra, giám sát việc thi công hợp đồng thuê và kết luận kế toán theo yêu cầu của Kế toán Nhà nước.

3. Hoạt động kiểm tra, giám sát của Kế toán Nhà nước chi phí thuê hoặc khấu hao theo quy định của pháp luật và của Kế toán Nhà nước.

#### **Điểm 6. Thành lập Hội đồng thẩm định kinh doanh nghiệp kế toán**

1. Kế toán Nhà nước thành lập Hội đồng thẩm định kinh doanh nghiệp kế toán để xem xét cho Tổng Kế toán Nhà nước lựa chọn doanh nghiệp kế toán nguyên tắc, tiêu chuẩn chi phí thuê hoặc khấu hao tài sản cố định.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm:

a) Tổng Kế toán Nhà nước hoặc Phó Tổng Kế toán Nhà nước phụ trách lĩnh vực - Chủ tịch Hội đồng;

b) Giám đốc Vụ Tổng hợp (01 Lãnh đạo Vụ làm thành viên thường trực; 01 Lãnh đạo Phòng làm thành viên thường ký);

c) Kế toán trưởng Kế toán Nhà nước Chuyên ngành hoặc Khu vực có nhu cầu thuê hoặc khấu hao tài sản cố định - Thành viên;

d) Giám đốc Lãnh đạo V Ch và Giám soát chặt chẽ công việc kế toán - thành viên;

) Giám đốc Lãnh đạo V Pháp chế - Thành viên;

e) Giám đốc Văn phòng Kế toán Nhà nước - Thành viên.

### **Điều 7. Kinh phí thuê, y thác doanh nghiệp kế toán**

Hàng năm, công nhân vào kế hoạch kế toán năm, nhu cầu thuê hoặc y thác kế toán, Kế toán Nhà nước lập dự toán kinh phí thuê hoặc y thác doanh nghiệp kế toán. Kinh phí thuê hoặc y thác doanh nghiệp kế toán bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Kế toán Nhà nước hoặc dự toán bổ sung trình phê duyệt phát sinh nhằm vượt vượt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

## **Chương II**

### **NH NG QUY NH C TH**

#### **Điều 8. Phạm vi thuê hoặc y thác kế toán**

1. Kế toán Nhà nước thuê hoặc y thác doanh nghiệp kế toán thực hiện kế toán các cơ quan, tổ chức sau:

a) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sổ đăng ký kinh phí ngân sách nhà nước.

b) Cán bộ công nhân viên ngân sách nhà nước bố trí làm nhiệm vụ kế toán toàn bộ kinh phí.

c) Ban Quản lý dự án đầu tư có nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hoặc có nguồn ngân sách nhà nước.

d) Hội, liên hiệp hội, ngành hội và các tổ chức khác có ngân sách nhà nước chi trả nhiệm vụ kế toán kinh phí hoạt động.

) Doanh nghiệp nhà nước.

e) Các cán bộ nhân viên trả giá, trợ cấp của Nhà nước, cán bộ công nhân viên Nhà nước bố trí lãnh.

2. Kế toán Nhà nước không thuê hoặc y thác doanh nghiệp kế toán thực hiện kế toán các cơ quan, tổ chức sau:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác trung ương.

b) Cơ quan giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước các cấp.

c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan khác địa phương.

d) Cán bộ thu cấp cấp lương v trang nhân dân.

) n v qu n lý qu d tr c a Nhà n c, qu d tr c a các ngành, các c p, qu tài chính khác c a Nhà n c.

e) T ch c qu n lý tài s n qu c gia.

g) T ch c chính tr .

### **đ i u 9. đ i u ki n các doanh nghi p ki m toán c thuê ho c u thác ki m toán**

Doanh nghi p ki m toán c xem xét, l a ch n thuê ho c u thác ki m toán ph i có các đ i u ki n sau:

1. Là doanh nghi p ki m toán ã đ i u ki n, c ch p thu n có tên trong danh sách công khai c a U ban Ch ng khoán Nhà n c ho c Ngân hàng th gi i (WB) l a ch n hàng n m.

2. Trong 03 n m tr c li n k không có sai ph m b c quan Nhà n c ho c H i ngh nghi p v ki m toán x lý li ên quan n ch t l ng ki m toán.

3. Doanh nghi p ki m toán hi n t i không và không th c hi n trong 02 n m tr c li n k d ch v ghi s k toán, l p báo cáo tài chính, d ch v ki m toán n i b , nh giá tài s n, t v n qu n lý, t v n tài chính cho khách hàng là n v c ki m toán mà Ki m toán Nhà n c thuê, u thác ki m toán; ho c không th c hi n các d ch v trên trong th i k c ki m toán thu c n i dung ki m toán mà Ki m toán Nhà n c thuê ho c u thác ki m toán.

### **đ i u 10. Th t c và trình t l a ch n**

1. Ch m nh t vào ngày 31/3 c a n m hi n t i n u có nhu c u thuê ho c u thác ki m toán, Ki m toán Nhà n c ph i công b i t ng ki m toán c n thuê ho c u thác ki m toán; th t c, h s ng ký nh n thuê ho c u thác ki m toán.

2. Doanh nghi p ki m toán có đ i u ki n quy nh t i đ i u 9 c a Quy ch này, có nhu c u nh n th c hi n thuê ho c u thác ki m toán ng ký v i Ki m toán Nhà n c (qua V T ng h p). H s g m:

a) n ngh c thuê ho c u thác ki m toán;

b) B n sao công ch ng Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh (ho c gi y ch ng nh n u t ) và đ i u l công ty;

c) Gi y ch ng nh n đ i u ki n kinh doanh d ch v ki m toán ;

d) Danh sách khách hàng trong 03 n m g n nh t;

) Danh sách Ki m toán viên ng ký hành ngh ki m toán có xác nh n c a H i Ki m toán viên hành ngh Vi t Nam (VACPA) kèm theo s y u lý l ch,

trong đó tóm tắt quá trình làm việc của kế toán viên hành nghề và Giám đốc doanh nghiệp kế toán.

e) Các tài liệu khác theo yêu cầu của Kế toán Nhà nước.

3. Căn cứ vào tình hình và nhu cầu thuê hoặc thuê kế toán, danh sách các doanh nghiệp kế toán đăng ký, Hội đồng thẩm định doanh nghiệp kế toán xem xét, trình Tổng Kế toán Nhà nước quy định nội dung, hình thức hoặc chi phí thuê, theo quy định của pháp luật. Hội đồng thẩm định doanh nghiệp kế toán giúp Tổng Kế toán Nhà nước tổ chức thuê hoặc chi trả thuê theo quy định của pháp luật.

### **Điều 11. Hình thức thuê hoặc thuê kế toán thẩm định kế toán**

1. Kế toán Nhà nước và doanh nghiệp kế toán thẩm định ký hợp đồng thuê hoặc thuê thẩm định kế toán. Hợp đồng có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ của bên thuê hoặc thuê và tên thuê hoặc thuê (tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, Fax, tài khoản giao dịch, ngân hàng...)

b) Nội dung thuê hoặc thuê (mục tiêu, tình hình, nội dung, thời kỳ kế toán và nội dung kế toán mà Kế toán Nhà nước thuê, thuê kế toán doanh nghiệp kế toán);

c) Quy định chuyên môn: chu kỳ, quy trình kế toán áp dụng; quy định về kế toán viên, quy định về kiểm soát chất lượng kế toán...;

d) Trách nhiệm, quy định của các bên;

e) Kết quả thẩm định hợp đồng (Báo cáo kế toán, Biên bản xác minh số liệu kế toán, các tài liệu ghi chép của Kế toán viên, bảng chi phí kế toán...);

f) Phí thuê hoặc thuê và phí thanh toán;

g) Cam kết thẩm định và thi hành hoàn thành; thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng.

h) Hình thức và hình thức hợp đồng;

i) Các điều khoản khác (nếu có).

2. Mẫu hợp đồng thuê hoặc thuê kế toán do Kế toán Nhà nước quy định (Chi tiết tại Phụ lục 01).

### **Điều 12. Trách nhiệm và quy định của Kế toán Nhà nước**

1. Trách nhiệm của Kế toán Nhà nước

a) Ban hành Quy định kế toán.

b) Phân phối, tổ chức nhân lực cho toàn kế toán, kế toán viên thuộc doanh nghiệp kế toán thành viên kế toán.

c) Thanh toán thuế, kê khai thuế, thuế kế toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

## 2. Quy định của Kế toán Nhà nước

a) Yêu cầu doanh nghiệp kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời kế hoạch kế toán, số liệu, kết luận kế toán và các thông tin, tài liệu liên quan đến công việc kế toán thuế hoặc thuế.

b) Yêu cầu doanh nghiệp kế toán thay thế kế toán viên hành nghề khi có dấu hiệu cho thấy thành viên đó vi phạm chuẩn mực, quy trình kế toán, quy định quản lý chuyên môn hoặc vi phạm các quy định của pháp luật.

c) Kiểm tra, giám sát quá trình thành lập hợp đồng thuế hoặc thuế kế toán; kiểm tra, xét duyệt Báo cáo kế toán của doanh nghiệp theo quy định của Kế toán Nhà nước.

d) Yêu cầu doanh nghiệp kế toán ghi trình bày văn bản về những văn bản nêu trong danh sách Kế hoạch kế toán, Báo cáo kế toán nêu trên rõ ràng, chi tiết.

e) Yêu cầu doanh nghiệp kế toán báo cáo trong trường hợp doanh nghiệp kế toán gây thiệt hại cho nhân viên kế toán và cho Kế toán Nhà nước.

f) Các quy định khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 13. Trách nhiệm và quy định của doanh nghiệp kế toán nhân thuế hoặc thuế kế toán**

### 1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kế toán

a) Thành viên kế toán theo Hợp đồng thuế hoặc thuế kế toán và tuân thủ các quy định chuyên môn đã ghi trong hợp đồng:

- Trường hợp thuế thành viên kế toán, doanh nghiệp kế toán khi thành viên kế toán phải tuân thủ chuẩn mực, quy trình kế toán và các quy định quản lý, chuyên môn nghiệp vụ của Kế toán Nhà nước.

- Trường hợp thuế thành viên kế toán, doanh nghiệp kế toán khi thành viên kế toán phải tuân thủ chuẩn mực, quy trình kế toán của Kế toán Nhà nước hoặc chuẩn mực, quy trình kế toán của Kế toán Nhà nước chấp hành.

b) B trí kĩ m toán viên có trình chuyên môn phù h p m b o ch t l ng kĩ m toán. Không b trí kĩ m toán viên th c hi n kĩ m toán trong các tr ng h p theo quy nh t i i u 31 c a Lu t Kĩ m toán nhà n c, c th :

- Góp v n, mua c ph n h o c có quan h khác v l ích kinh t v i n v c kĩ m toán.

- n v c kĩ m toán mà mình ã làm lãnh o, k toán tr ng h o c ph trách k toán trong th i h n ít nh t là n m n m k t khi chuy n công tác.

- Có quan h là b , m , b nuôi, m nuôi, b ch ng, m ch ng, b v , m v , v , ch ng, con, anh, ch , em ru t v i ng i ng u, k toán tr ng h o c ng i ph trách k toán c a n v c kĩ m toán.

c) B i th ng thi t h i do l i mà kĩ m toán viên hành ngh h o c ng i c a doanh nghi p mình gây ra cho n v c kĩ m toán, Kĩ m toán Nhà n c và các t ch c, cá nhân có liên quan trong quá trình th c hi n kĩ m toán.

d) Thông báo k p th i v i Kĩ m toán Nhà n c khi phát hi n n v c kĩ m toán có d u hi u vi ph m pháp lu t v kinh t , tài chính, k toán.

) Thông báo k p th i v i Kĩ m toán Nhà n c khi n v c kĩ m toán và các t ch c cá nhân có liên quan vi ph m kho n 2, 3 i u 12 c a Lu t Kĩ m toán nhà n c. C th :

- T ch i cung c p thông tin, tài li u ph c v cho cu c kĩ m toán theo yêu c u c a doanh nghi p kĩ m toán và Kĩ m toán viên;

- C n tr công vi c c a doanh nghi p kĩ m toán và Kĩ m toán viên;

- Báo cáo sai l ch, không trung th c, không y và thi u khách quan thông tin liên quan n cu c kĩ m toán mà doanh nghi p kĩ m toán ang nh n thuê h o c u thác;

- Mua chu c, h i l Kĩ m toán viên;

- Che gi u các hành vi vi ph m pháp lu t v tài chính, ngân sách;

- Các t ch c, cá nhân khác can thi p trái pháp lu t vào h o t ng kĩ m toán mà doanh nghi p kĩ m toán ang nh n thuê h o c u thác;

- Các hành vi b nghiêm c m khác theo quy nh c a pháp lu t.

e) Cung c p các thông tin v kĩ m toán viên hành ngh , doanh nghi p kĩ m toán và h s , tài li u kĩ m toán theo yêu c u c a Kĩ m toán Nhà n c.

g) Ch p hành các yêu c u c a Kĩ m toán Nhà n c v vi c báo cáo, ki m tra, thanh tra.



h) Thể hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng thuê hoặc ước tính kế toán.

2. Quy định của doanh nghiệp kế toán

a) Các quy định lập và chuyên môn nghiệp vụ khi thể hiện các dự chi và ước tính ghi trong hợp đồng thuê, ước tính kế toán.

b) Nhân phí dự chi và Thuế Kế toán Nhà nước.

c) Trong quá trình thể hiện kế toán, yêu cầu nội dung kế toán cung cấp ý kiến, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết và ghi trình các vấn đề có liên quan nội dung kế toán; yêu cầu kiểm kê tài sản, kiểm tra chi tiêu, xác minh công nợ của nội dung kế toán liên quan nội dung kế toán; kiểm tra sổ sách, tài liệu, xác nhận các thông tin kinh tế, tài chính có liên quan nội dung kinh tế, tài chính của nội dung kế toán trong và ngoài nước;

c) yêu cầu thực hiện, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết có liên quan nội dung kế toán thông qua nội dung kế toán.

d) Các quy định khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Trách nhiệm và quy định của Kế toán viên thu thuế doanh nghiệp kế toán khi thể hiện kế toán**

A. Kế toán viên thu thuế doanh nghiệp và thuế kế toán khi thể hiện kế toán có trách nhiệm và quy định sau:

1. Trách nhiệm của Kế toán viên

a) Thể hiện nhiệm vụ kế toán và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc kế toán, Trưởng phòng kế toán và các thể hiện nhiệm vụ kế toán của phân công; đưa ra ý kiến đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị về nội dung ước tính kế toán trên cơ sở thu thập ý kiến và đánh giá các bằng chứng kế toán thích hợp.

b) Tuân thủ pháp luật, nguyên tắc hoạt động, chuẩn mực, quy trình kế toán nhà nước, quy định của kế toán viên và các quy định khác có liên quan của Kế toán Nhà nước.

c) Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Kế toán Nhà nước và trước pháp luật về những bằng chứng, đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị của mình.

d) Thu thập bằng chứng kế toán, ghi nhận ký kế toán và các tài liệu làm việc khác theo quy định của Kế toán Nhà nước.

e) Giữ bí mật thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình kế toán.

e) Khi thể hiện nhiệm vụ kế toán, Kế toán viên phải xử lý trình và báo cáo Kế toán viên.

g) Khai báo kế hoạch và dự vãng nghiệp vụ doanh nghiệp kế toán và ng ra quy t nh thành l p oàn kế toán khi có tr ng h p quy nh t i i u 31 c a Lu t Kế toán nhà n c và các tình hu ng khác làm nh h ng n tính c l p c a Kế toán viên.

h) Khi có hành vi vi phạm pháp luật thì tu theo tính chất, mức độ vi phạm mà b x lý k luật hoc b truy c u trách nhiệm hình s ; n u gây thi t h i thì ph i b i th ng theo quy nh c a pháp luật.

## 2. Quy nh n c a Kế toán viên

a) c l p v chuyên môn nghiệp v .

b) Yêu c u n v c kế toán cung c p y , kế hoạch thông tin, tài li u c n thi t và gi i trình các v n có liên quan n n i dung kế toán; yêu c u kế toán kê tài s n, i chi u công n c a n v c kế toán liên quan n n i dung kế toán.

c) Kế toán tra, xác nh n các thông tin kinh t , tài chính có liên quan n n i dung kế toán và n v c kế toán trong và ngoài n v trong quá trình th c hi n kế toán theo quy nh c a pháp luật và c a Kế toán Nhà n c.

d) Yêu c u t ch c, cá nhân có liên quan cung c p tài li u, thông tin c n thi t có liên quan n n i dung kế toán theo quy nh c a pháp luật và c a Kế toán Nhà n c.

) Quy nh n khác theo quy nh c a pháp luật, c a Kế toán Nhà n c và doanh nghiệp kế toán.

B. Kế toán viên c a doanh nghiệp c u thác kế toán khi th c hi n kế toán có trách nhiệm và quy nh n nh tr ng h p c thuê kế toán m c A i u 14 Quy ch này, ng th i tuân th theo quy nh t i Lu t Kế toán c l p và các chu n m c, quy trình c Kế toán Nhà n c ch p nh n.

### **i u 15. Quy n và ngh a v c a n v c kế toán**

n v c kế toán có quy n và ngh a v theo quy nh t i i u 64 và i u 65 c a Lu t Kế toán nhà n c, c th nh sau:

#### 1. Quy n c a n v c kế toán

a) Yêu c u oàn kế toán xu t trình quy t nh kế toán, Kế toán viên xu t trình th Kế toán viên.

b) T ch i cung c p thông tin, tài li u không liên quan n n i dung kế toán; ngh thay th thành viên oàn kế toán khi có b ng ch ng cho th y thành viên ó không vô t trong khi làm nhiệm v .

c) Th o lu n, gi i trình b ng v n b n v nh ng v n c nêu trong d th o báo cáo ki m toán n u xét th y ch a phù h p.

d) Khi u n i v i T ng Ki m toán Nhà n c v hành vi c a Tr ng oàn ki m toán, T tr ng T ki m toán và thành viên khác c a oàn ki m toán trong quá trình th c hi n ki m toán khi có c n c cho r ng hành vi ó là trái pháp lu t; ki n ngh v i T ng Ki m toán Nhà n c, c quan nhà n c có th m quy n v ánh giá, xác nh n, k t lu n và ki n ngh ki m toán khi có c n c cho r ng ánh giá, xác nh n, k t lu n và ki n ngh ó là trái pháp lu t.

) Yêu c u Ki m toán Nhà n c, Ki m toán viên b i th ng thi t h i trong tr ng h p gây thi t h i cho n v c ki m toán theo quy nh c a pháp lu t.

e) Th c hi n các quy n khác theo quy nh c a pháp lu t.

2. Ngh a v c a n v c ki m toán

a) Ch p hành Quy t nh ki m toán.

b) L p và g i y , k p th i báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo yêu c u cho doanh nghi p ki m toán mà Ki m toán Nhà n c thuê ho c u thác ki m toán.

c) Cung c p y , k p th i các thông tin, tài li u c n thi t th c hi n vi c ki m toán theo yêu c u cho doanh nghi p ki m toán, Ki m toán viên mà Ki m toán Nhà n c thuê ho c u thác ki m toán và ph i ch u trách nhi m tr c pháp lu t v tính chính xác, trung th c, khách quan c a thông tin, tài li u ã cung c p.

d) Tr l i và gi i trình y , k p th i các v n do oàn ki m toán, Ki m toán viên yêu c u.

) Ng i ng u n v c ki m toán ph i ký Biên b n ki m toán.

## **i u 16. Trách nhi m các n v tr c thu c Ki m toán Nhà n c**

1. Trách nhi m c a các n v tham m u thu c b máy i u hành

a) V T ng h p có trách nhi m t ng h p và xu t nhu c u thuê ho c u thác ki m toán; là th ng tr c H i ng th m nh doanh nghi p ki m toán; tham m u cho T ng Ki m toán Nhà n c v n i dung h p ng thuê ho c u thác ki m toán, theo dõi vi c th c hi n h p ng và nghi m thu k t qu ki m toán do doanh nghi p cung c p.

b) V Ch và Ki m soát ch t l ng ki m toán có trách nhi m ch trì th c hi n ki m tra, giám sát ch t l ng ki m toán và h s ki m toán theo Quy ch ki m soát ch t l ng ki m toán và yêu c u c a T ng Ki m toán Nhà n c.

c) V Pháp ch có trách nhi m th m nh tính h p pháp c a H p ng thuê ho c u thác ki m toán và th m nh k t qu ki m toán tr c khi nghi m thu.

2. Trách nhi m c a các Ki m toán Nhà n c chuyên ngành và khu v c xu t trong k ho ch ki m toán n m c a n v mình các cu c ki m toán hay các n i dung, n v c ki m toán c n thuê ho c u thác ki m toán.

3. Trách nhi m c a V n phòng Ki m toán Nhà n c  
V n phòng Ki m toán Nhà n c l p d toán kinh phí ph c v vì c thuê ho c u thác doanh nghi p ki m toán th c hi n ki m toán, tr ình các c p có th m quy n quy t nh.

### **Ch ng III**

#### **I U KHO N THI HÀNH**

##### **Đ i u 17. T ch c th c hi n**

1. Th tr ng các n v tr c thu c Ki m toán Nhà n c và các t ch c, cá nhâ n có liên quan ch u trách nhi m thi hành Quy ch này.

2. V tr ng V T ng h p có trách nhi m tri n khai, ki m tra và ph i h p v i các n v có liên quan vì c th c hi n Quy ch này.

3. Trong quá trình th c hi n n u có v n phát sinh m i ho c khó kh n, v ng m c c n ph n ánh k p th i v V Ch và Ki m soát ch t l ng ki m toán t p h p báo cáo T ng Ki m toán Nhà n c s a i, b sung cho phù h p./.

**T NG KI M TOÁN NHÀ N C**

( ã ký)

**inh Ti n D ng**